

CÔNG TY TNHH MINH QUANG BG VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MINH QUANG BG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH QUANG BG VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400978118

3. Ngày thành lập: 14/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10 đường Nguyễn Văn Lục, Tổ dân phố 20, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0925151609

Fax:

Email: minhquangasean@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ động vật pháp luật cấm kinh doanh)	4620
14.	Bán buôn thực phẩm	4632

15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669
26.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
27.	Khai thác và thu gom than non	0520
28.	Khai thác dầu thô	0610
29.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
30.	Khai thác quặng sắt	0710
31.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (Trừ loại Nhà nước cấm)	0721
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
34.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
36.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
37.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
38.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
39.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ loại Nhà nước cấm)	0730
40.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
41.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
42.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
43.	Khai thác muối	0893
44.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	0899

45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
47.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
48.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
49.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
50.	In ấn	1811
51.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
52.	Sao chép bản ghi các loại	1820
53.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
54.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
55.	Đúc sắt, thép	2431
56.	Đúc kim loại màu	2432
57.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
58.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
59.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
60.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
61.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
62.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
63.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
64.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
65.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
66.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
67.	Sản xuất đồng hồ	2652
68.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
69.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
70.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
71.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
72.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
73.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
74.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
75.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
76.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
77.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
78.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

79.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
80.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
81.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
82.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
83.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
84.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
85.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
86.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
87.	Sản xuất máy luyện kim	2823
88.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
89.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
90.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
91.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
92.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
93.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
94.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
95.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá hàng hóa)	4774
96.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933(Chính)
97.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
98.	Bốc xếp hàng hóa	5224
99.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
100.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
101.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
102.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
103.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
104.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
105.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
106.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
107.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
108.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
109.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
110.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
111.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

112.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
113.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
114.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
115.	Xây dựng nhà để ở	4101
116.	Xây dựng nhà không để ở	4102
117.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
118.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
119.	Xây dựng công trình điện	4221
120.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
121.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
122.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
123.	Xây dựng công trình thủy	4291
124.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
125.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
126.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
127.	Phá dỡ (Trừ nổ mìn)	4311
128.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ nổ mìn)	4312
129.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
130.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
131.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
132.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
133.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
134.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
135.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
136.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
137.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024079037772

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Ao Rẻ, Xã Hương Lạc, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Ao Rẻ, Xã Hương Lạc, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024079037772

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Ao Rẻ, Xã Hương Lạc, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Ao Rẻ, Xã Hương Lạc, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang